

nhiều lần xảy ra cãi vã. Năm 2013, bà và con chung về nhà mẹ đẻ của bà để sinh sống, sau đó ông H tìm đến và mong muốn đoàn tụ, vì thương con nên bà đã đồng ý đoàn tụ. Tuy nhiên, tháng 4/2019 bà trực tiếp phát hiện việc ông H quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Nhận thấy ông H vẫn không thay đổi dù bà đã bỏ qua nhiều lần nên bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Văn Minh H

Về con chung: Bà tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Văn Ngọc H, sinh ngày 01/5/2012 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông H.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Văn Minh H trình bày:

Về thời gian kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như lời trình bày của bà Tr.

Cuộc sống hôn nhân của ông bà nhìn chung là hạnh phúc, vợ chồng có kinh cãi nhưng không thường xuyên và cũng không thể không hòa giải được. Ông thừa nhận đầu năm 2019 ông có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng ông đã biết lỗi và đã chấm dứt quan hệ với người phụ nữ đó. Ông nhận thấy mâu thuẫn của gia đình chưa trầm trọng đến mức phải ra Tòa giải quyết nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tr.

Về con chung: Nếu Tòa giải quyết ly hôn ông xin tự nguyện giao con chung Văn Ngọc H, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Tr trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Tr.

Cháu Văn Ngọc H có nguyện vọng xin ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa:

Bà Mai Thị Hữu Tr vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu ly hôn với ông Văn Minh H; về con chung: Bà tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Văn Ngọc H, sinh ngày 01/5/2012 đến tuổi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông H.

Ông Văn Minh H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Tr; về con chung: Nếu Tòa giải quyết ly hôn ông xin tự nguyện giao con chung Văn Ngọc H, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Tr trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung với bà Tr.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Mai Thị Hữu Tr; về con chung: Giao con chung là Văn Ngọc H, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Tr trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: bà Tr, ông H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Mai Thị Hữu Tr yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Văn Minh H hiện cư trú tại: Thôn Tân Mỹ, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Hữu Tr và ông Văn Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Xuân và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 27/02/2012 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của bà Tr, ông H Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, giữa vợ chồng có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa bà Tr và ông H không hạnh phúc ông H có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã. Năm 2013, bà và con chung về nhà mẹ đẻ của bà để sinh sống, sau đó ông H tìm đến và mong muốn đoàn tụ, vì thương con nên bà đã đồng ý đoàn tụ. Tuy nhiên, tháng 4/2019 bà trực tiếp phát hiện việc ông H quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Nhận thấy ông H vẫn không thay đổi dù bà đã bỏ qua nhiều lần nên bà nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Văn Minh H. Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận việc mình có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn gia đình. Như vậy, đời sống chung của bà Tr, ông H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của bà Tr là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo tài liệu giấy khai sinh và lời trình bày của bà Tr, ông H thì có một con chung là Văn Ngọc H, sinh ngày 01/5/2012. Bà Tr tự nguyện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Cháu H đang ở với bà Tr và có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà Tr sau khi bố mẹ ly hôn. Ông H cũng đồng ý giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như bảo đảm sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử xét nên giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr, ông H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Tr phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Hữu Tr.

1.1. Về hôn nhân: Bà Mai Thị Hữu Tr được ly hôn ông Văn Minh H.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Văn Ngọc H, sinh ngày 01/5/2012 cho bà Mai Thị Hữu Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Ông Văn Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bà Mai Thị Hữu Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008554 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Bà Tr đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- UBND xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa;
- GCNKH số: 91 ngày 27/02/2012;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh